

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HS-ST

Ngày 19 - 4-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đàm Thanh

Bà Đoàn Kim Cúc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông
Đàm Đình Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu Trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh C, tổ chức xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/TLST - HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2024/QĐXXST-HS ngày 08/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đàm Văn L, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 09/10/1977 tại huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: Đàm Văn D (đã chết); Con bà: Triệu Thị L1, sinh năm 1947; Vợ: Hứa Thị H, sinh năm 1976 cùng chồng trọ và trú tại Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2004. Có 04 anh em, bị cáo là con thứ 03. Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam kể từ ngày 19/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, có mặt.

2. Họ và tên: Lục Văn Q, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 03/5/1990 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn

hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông: Lục Văn Q1, sinh năm 1966; Con bà: Nông Thị Á, sinh năm 1969; Vợ: Phùng Thị C, sinh năm 1992 cùng trồng trọt và trú tại xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; có 04 anh em, bị cáo là con cả.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam kể từ ngày 19/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, có mặt.

3. Họ và tên: Nông Văn M, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 08/01/1977 tại huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm B - L, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trước khi phạm tội là Đảng viên Đ (*Ủy ban kiểm tra huyện ủy huyện Q, tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 83/QĐ-UBKTHU ngày 03/01/2024*); Con ông: Nông Văn T (đã chết); Con bà: Phùng Thị T1, sinh năm 1949; Vợ: Trương Thị T2, sinh năm 1978 cùng trú tại xóm B - L, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2003; Có 05 anh em, là con thứ 02 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam kể từ ngày 19/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, có mặt.

- *Người bào chữa:*

+ *Người bào chữa cho bị cáo Đàm Văn L:* Bà Đinh Thị H1, Luật sư thực hiện bào chữa theo quy định của pháp luật.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Lục Văn Q:*

Ông Triệu Bằng G, Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C - bào chữa theo quy định pháp luật, (có mặt).

Bà Đinh Thị H1, Luật sư thực hiện bào chữa theo yêu cầu của gia đình bị cáo Lục Văn Q, (có mặt);

+ *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn M:* Bà Hà Thị H2, Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C - bào chữa theo quy định pháp luật, (có mặt).

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lục Văn Q1, sinh năm 1966, trú tại: xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 00 phút ngày 19/12/2023, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh C làm nhiệm vụ tại xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng phát hiện 01 chiếc xe ô tô (không rõ biển kiểm soát) bật đèn xi nhan đỗ ở lề đường, sau đó có 03 người đàn ông đi trên 01 chiếc xe mô tô đến phía sau xe ô tô nói chuyện với 02 người đàn ông đi xe ô tô. Tổ công tác tiến hành tiếp cận thì 02 người đi xe ô tô điều khiển xe chạy thoát, tổ công tác tiến hành không chế được 03 người đàn ông còn lại là Đàm Văn L (sinh năm 1997 trú tại thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk); Lục Văn Q (sinh năm 1990, trú tại xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng); Nông Văn M (sinh năm 1977 trú tại xóm B - L, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng). Tiến hành kiểm tra tại vị trí Lịch, Q, M đang đứng phát hiện 01 bọc ni lon bên trong có 03 cục chất nhựa dẻo màu nâu và 01 chiếc kéo phần lưỡi dính nhựa dẻo màu nâu. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa người cùng phương tiện, đồ vật về trụ sở làm rõ.

Ngày 20/12/2023 các cơ quan chức năng tiến hành mở niêm phong cân khối lượng và trích lấy mẫu để trưng cầu giám định xác định: Vật chứng thu giữ của Đàm Văn L, Lục Văn Q, Nông Văn M có khối lượng **1010, 30 gam**, (*một nghìn không trăm mười phẩy ba mươi gam*). Tại bản kết luận giám định số 41/KL - KTHS ngày 29/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: “*Vật chứng thu giữ của Đàm Văn L, Lục Văn Q, Nông Văn M gửi giám định là Thuốc phiện*”.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Ngày 16/12/2023 Lục Văn Q được một người đàn ông tên H3 (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) liên lạc qua điện thoại đặt vấn đề nhờ Q mua giúp 01 kg thuốc phiện, Q nhận lời. Sau đó Q liên lạc với Nông Văn M nhờ M tìm mua giúp; M đồng ý và liên lạc với Đàm Văn L là lái xe khách tuyến Đắk Lắk - Cao Bằng hỏi mua 01 cân thuốc phiện, L đồng ý bán cho M với giá 70.000.000 đồng/01 kg và hẹn ngày 19/12/2023 sẽ mang thuốc phiện đến tỉnh Cao Bằng giao cho M. Sau khi hỏi mua thuốc phiện được với L, M báo lại cho Q biết đã mua được với giá 90.000.000 đồng/01 kg, Q nhất trí mua và báo lại cho H3 biết giá 01 kg thuốc phiện là 90.000.000 đồng/01 kg, Q được H3 hứa sau khi mua bán thuốc phiện xong H3 sẽ trả cho Q 20.000.000 đồng tiền công. Sáng ngày 18/12/2023 L mang theo 01 gói thuốc phiện do L đã mua từ trước với một người đàn ông dân tộc Mông (*không rõ tên và địa chỉ*) vào năm 2021 với giá 50.000.000 đồng rồi lái xe ô tô chở khách từ tỉnh Đắk Lắk đến tỉnh Cao Bằng. Khoảng 08 giờ ngày 19/12/2023 khi đến thành phố C, L báo cho M biết là đã mang thuốc phiện đến tỉnh Cao Bằng và hẹn tối cùng ngày sẽ giao dịch, sau đó M báo lại cho Q biết. Khoảng 18 giờ cùng ngày, M đến bến xe khách thành phố C gặp L, L cầm theo 01 gói thuốc phiện cùng M đi xe Taxi đến xóm B, xã N, huyện H gặp Q. Sau đó Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11L1 - 029.25 chở L, M mang gói thuốc phiện đến xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng để bán. Khoảng

21 giờ cùng ngày khi Q, L, M đang giao dịch với 02 người đàn ông đi xe ô tô đến thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, 02 người đàn ông đi xe ô tô chạy thoát, còn Q, L, M bị bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 21/CTr-VKSCB-P1 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Đàm Văn L, Lục Văn Q, Nông Văn M về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy* “. Xét vai trò các bị cáo trong vụ án thì bị cáo Lục Văn Q là người khởi xướng, đặt vấn đề mua ma túy để bán; bị cáo L là người có thuốc phiện và bị cáo M là người giúp sức cho Q và L cùng lấy ma túy đi bán, các bị cáo đều là người thực hành, do đó bị cáo Q và L phải bị xử lý mức cao hơn so với bị cáo M, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Văn L từ 16 đến 17 năm tù;
- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lục Văn Q từ 16 đến 17 năm tù;
- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn M từ 15 đến 16 năm tù;

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là thuốc phiện và các mẫu phẩm liên quan cùng 01 chiếc kéo; tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 03 điện thoại di động là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội; Trả lại 01 xe máy cho người liên quan ông Lục Văn Q1 để quản lý sử dụng; Trả lại cho bị cáo Q 01 thẻ CCCD mang tên Lục Văn Q;

Về án phí: Bị cáo Đàm Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước; Các bị cáo Lục Văn Q và Nông Văn M là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí cho hai bị cáo.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan, ông Lục Văn Q1 trình bày và đề nghị:
Chiếc xe máy bị tạm giữ là tài sản của vợ chồng ông Q1 tiết kiệm mà có, khi mua xe ông cho Lục Văn Q đi làm thủ tục mua xe, vợ chồng ông không biết con mang xe đi thực hiện hành vi phạm tội nên ông có đơn đề nghị Tòa án xem xét trả lại xe cho gia đình ông quản lý sử dụng.

+ *Luật sư Đinh Thị H1 trình bày bào chữa cho bị cáo Đàm Văn L và Lục Văn Q:*

Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đàm Văn L, Lục Văn Q về tội danh và điều luật áp dụng, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt. Các bị cáo thành khẩn khai báo và nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo phạm tội chưa gây thiệt hại và phạm tội chưa đạt nên đề nghị áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 và Điều 15 Bộ luật hình sự cho các bị cáo; Các bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, mức án Viện kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo quá nghiêm khắc vì ma túy bắt được của các bị cáo vừa ở mức khởi điểm nên đề nghị xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe máy bị cáo Q dùng để thực hiện hành vi phạm tội đang bị tạm giữ, xác định nguồn gốc xe máy là của ông Lục Văn Q1 (Bố của Q), khi Q mang xe đi thì ông Q1 không biết và ông Q1 đề nghị trả lại xe cho ông Q1 sử dụng. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo Q,

Bị cáo Đàm Văn L và Lục Văn Q nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung, không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát;

+ *Trợ giúp pháp lý Triệu Bằng G trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Lục Văn Q:* Nhất trí với bào chữa của Luật sư Đinh Thị H1 đối với bị cáo Q, bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, thành khẩn, mức án Viện kiểm sát đề nghị là cao, đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 15 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị, không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo Q.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn M trình bày luận cứ:*

Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo M về tội danh và điều luật áp dụng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì bị cáo M là người giúp sức cho bị cáo L, bị cáo M có vai trò thứ yếu nên mức hình phạt phải thấp hơn bị cáo L và Q; Bị cáo M không có tình tiết tăng nặng và có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, nhận

thức pháp luật hạn chế (TĐVH 5/12); hoàn cảnh gia đình khó khăn, khối lượng ma túy ở mức khởi điểm nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị là 15 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng do Hội đồng xem xét; Về án phí đề nghị miễn án phí cho bị cáo Nông Văn M.

Bị cáo Nông Văn M nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung, không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát;

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm bào chữa.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận quan điểm của Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để được áp dụng hình phạt thấp nhất mức Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo Đàm Văn L, Lục Văn Q, Nông Văn M tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Bản tự khai; Biên bản ghi lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai các bị cáo tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chứng minh:

Ngày 16/12/2023 Lục Văn Q được một người đàn ông tên là H3 hỏi mua với Q 01 kg thuốc phiện với số tiền 110.000.000 đồng; sau đó Q đặt vấn đề với Nông Văn M tìm 01 kg thuốc phiện; M đặt vấn đề mua với Đàm Văn L 01 kg thuốc phiện với số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 19/12/2023 Đàm Văn L mang theo 01 kg thuốc phiện đã mua từ trước với giá 50.000.000 đồng rồi từ tỉnh Đắk Lắk

đến tỉnh Cao Bằng để cùng Nông Văn M, Lục Văn Q mang đi bán. Khoảng 21 giờ ngày 19/12/2023 L, M, Q mang gói thuốc phiện có khối lượng 1010,30 gam đến xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng bán cho 02 người không rõ tên địa chỉ thì bị bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo Đàm Văn L, Lục Văn Q, Nông Văn M đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 251 Bộ luật hình sự.

" Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao cô ca có khối lượng từ 01 kilogam đến dưới 05 kilogam;

[3] Vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Trong vụ án này bị cáo Lục Văn Q là người khởi xướng việc mua thuốc phiện về bán, bị cáo Đàm Văn L là người trực tiếp cung cấp 01 kg thuốc phiện về để nhằm mục đích bán lại kiếm lời. Bị cáo M là đồng phạm giúp sức vai trò thứ yếu, nên hình phạt của bị cáo M sẽ thấp hơn so với các bị cáo Lục Văn Q và Đàm Văn L.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân:* Cả 03 bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Cả 03 bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: vật chứng là ma túy và các mẫu vật cùng chiếc kéo thì tịch thu tiêu hủy; tịch thu phát mại điện thoại di động các bị cáo để sung quỹ

nhà nước; 01 xe mô tô trả lại cho người liên quan; Trả lại bị cáo Q 01 CCCD mang tên Lục Văn Q;

[7] Các vấn đề khác: Đối với người bán thuốc phiện cho L và hai người đàn ông đến mua thuốc phiện với L, Q, M, trong quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để mở rộng điều tra vụ án là có căn cứ.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về tội danh là có căn cứ, về mức hình phạt thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức án phù hợp đối với từng bị cáo.

Đối với đề nghị của người bào chữa bị cáo Q và L cho rằng các bị cáo phạm tội chưa đạt, chưa gây thiệt hại nên đề nghị áp dụng thêm điều 15 Bộ luật Hình sự và điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (*phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại*) là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về tội danh, khung hình phạt, về xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với mức hình phạt các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét hành vi các bị cáo mua bán trái phép chất ma túy ở mức khởi điểm của khung hình phạt nên mức án sẽ thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị 6 tháng là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo Đàm Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Q và M là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Các bị cáo Đàm Văn L, Lục Văn Q, Nông Văn M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đàm Văn L 15 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/12/2023.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lục Văn Q 15 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/12/2023.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn M 15 năm.tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/12/2023.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) hộp cát tông niêm phong theo quy định, một mặt trên thùng ghi “VẬT CHỨNG VỤ ĐÀM VĂN LỊCH CÙNG ĐỒNG PHẠM MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY, XẢY RA NGÀY 19/12/2023 TẠI XÓM LŨNG QUANG, XÃ N, HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG”, xung quanh hộp có chữ ký của các bị can, thành phần tham gia niêm phong và các hình dấu giáp lai màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C;

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước phong bì ghi “Số: 41/KL-KTHS. H4 lại mẫu sau giám định vụ: Đàm Văn L cùng đồng phạm có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Bắt ngày 19/12/2023”, mặt sau có chữ ký của Điều tra viên Nông Văn T3, Giám định viên Hoàng Thu H5 và 04 hình dấu giáp lai màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh C;

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước phong bì ghi “Kéo dính chất nhựa màu đen thu giữ khi bắt quả tang vụ Đàm Văn L cùng đồng phạm, hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 19/12/2023 tại xóm L, Nguyễn H6, H, Cao Bằng”, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia và 04 hình dấu giáp lai màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp Ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi “điện thoại tạm giữ đối với Đàm Văn L, ngày 19/12/2023”, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia và 04 hình dấu giáp lai màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

+ 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi “điện thoại tạm giữ đối với Nông Văn M, ngày 19/12/2023”, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia và 04 hình dấu giáp lai màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

+ 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi “Điện thoại tạm giữ đối với Lục Văn Q, ngày 19/12/2023”, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia và 04 hình dấu giáp lai màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

- Trả lại cho người có quyền lợi liên quan (Lục Văn Q1):

01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 11 LI - 029.25, loại xe: Hai bánh từ 50- 175cm³, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu sơn: Vàng Đen, dung tích xi lanh: 110cm³, số máy: 5C6K138128, số khung: RLCS5C6K0DY138117, số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2015; xe cũ đã qua sử dụng, bên ngoài xe có nhiều vết xước đã cũ (kèm theo 01 chìa khóa xe máy).

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe mô tô trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 02/01/2024 của Phòng CSGT Công an tỉnh C.

-Trả lại cho bị cáo Q: 01 (một) Căn cước công dân mang tên Lục Văn Q.

(Xác nhận các vật chứng trên đã được Cơ quan điều tra Công an tỉnh C bàn giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng vụ án số 73 ngày 21/3/2024).

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đàm Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Lục Văn Q và Nông Văn M là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lục Văn Q1 có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh CB;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ

- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tòa Hình sự.